

## **0.a. Goal**

Mục tiêu 3: Bảo đảm cuộc sống khỏe mạnh và tăng cường phúc lợi cho mọi người ở mọi lứa tuổi

## **0.b. Target**

Mục tiêu 3.1: Đến năm 2030, giảm tỷ số tử vong mẹ xuống dưới 45/100.000 trẻ đẻ sống; giảm tỷ suất tử vong trẻ dưới 1 tuổi xuống dưới 10 ca trên 1000 trẻ đẻ sống và tỷ suất tử vong trẻ dưới 5 tuổi xuống dưới 15 ca trên 1000 trẻ đẻ sống (Mục tiêu 3.1 và Mục tiêu 3.2 toàn cầu)

## **0.c. Indicator**

Chỉ tiêu 3.1.2. Tỷ lệ ca sinh được nhân viên y tế có kỹ năng đỡ

## **0.d. Series**

Proportion of births attended by skilled health personnel [3.1.2] SH\_STA\_BRTC

## **0.e. Metadata update**

tháng 6/2021

## **1.a. Organisation**

Bộ Y tế

## **1.f. Contact mail**

Số 138A Giảng Võ - Ba Đình - Hà Nội

## **1.g. Contact email**

banbientap@moh.gov.vn

## **2.a. Definition and concepts**

Tỷ lệ ca sinh được nhân viên y tế có kỹ năng đỡ là số phụ nữ đẻ trong kỳ báo cáo được nhân viên y tế có kỹ năng đỡ tính trên 100 phụ nữ đẻ trong cùng thời kỳ.

Nhân viên y tế có kỹ năng đỡ bao gồm bác sỹ chuyên khoa sản từ định hướng trở lên, hộ sinh trung cấp trở lên, y sỹ sản nhi, những cán bộ y tế khác đã được cấp chứng nhận đã được đào tạo liên tục về “người đỡ đẻ có kỹ năng” theo chương trình của Bộ Y tế.

## **2.c. Classifications**

Bảng danh mục các đơn vị hành chính Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 124/2004/QĐ-TTg ngày 08/7/2004 của Thủ tướng Chính phủ và những thay đổi được Tổng cục Thống kê cập nhật đến thời điểm 31/12/2019)

## **3.a. Data sources**

Báo cáo định kỳ hàng năm của cơ sở y tế - Vụ Sức khỏe Bà mẹ - Trẻ em, Bộ Y tế

## **3.b. Data collection method**

Bộ Y tế ban hành biểu mẫu báo cáo thống kê gửi Sở Y tế các tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương thu thập. Định kỳ, các Sở Y tế gửi lại số liệu cho Bộ Y tế tổng hợp. Bộ Y tế rà soát, tổng hợp số liệu thu từ chế độ báo cáo và điều tra trước khi công bố.

## **3.d. Data release calendar**

Năm

## **3.e. Data providers**

Bộ Y tế

## **3.f. Data compilers**

Bộ Y tế

## **4.a. Rationale**

- Đánh giá mức độ tiếp cận dịch vụ và chất lượng chăm sóc thai sản của một khu vực và quốc gia.
- Là cơ sở cho việc xây dựng kế hoạch và các hoạt động can thiệp y tế.

## **4.b. Comment and limitations**

Nên phân tổ theo khu vực đồng bằng/ miền núi và dân tộc thiểu số vì khả năng tiếp cận với các dịch vụ chăm sóc trong sinh của phụ nữ ở các khu vực này là rất khác nhau.

Ngoài nguồn số liệu định kỳ là báo cáo hàng năm của Cơ sở y tế- Bộ Y tế, chỉ tiêu còn được lồng ghép thu thập qua các cuộc điều tra thống kê như điều tra dân số, điều tra cơ sở y tế phối hợp cùng Tổng cục Thống kê.

## **5. Data availability and disaggregation**

Số liệu chỉ tiêu có sẵn hàng năm từ năm 2016-2019

Không có số liệu được công bố theo từng phân tổ cho chỉ tiêu này

(Nguồn công bố : Số liệu chỉ tiêu SDG – ASEAN ; Niên giám thống kê y tế)

## 6. Comparability/deviation from international standards

Chỉ tiêu này tương ứng với chỉ tiêu quốc tế “3.1.2 Proportion of births attended by skilled health personnel”. So sánh metadata của 2 chỉ tiêu nhận thấy có một số khác biệt cụ thể:

|                  | Chỉ tiêu quốc tế  | Chỉ tiêu Việt Nam  |
|------------------|---|--|
| Phương pháp tính | Số phụ nữ trong độ tuổi từ 15-49  | Số phụ nữ đẻ   |
| Phân tổ          | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Khi dữ liệu được thu thập từ các cuộc điều tra hộ gia đình. Phân tổ theo nơi cư trú (thành thị/nông thôn), sự giàu có của hộ gia đình và tuổi của bà mẹ, các vùng địa lý</li> <li>- Khi dữ liệu được báo cáo từ các nguồn hành chính, phân tổ theo nơi cư trú</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhóm tuổi của bà mẹ;</li> <li>- Dân tộc (Kinh và các dân tộc khác);</li> <li>- Thành thị/nông thôn;</li> <li>- Tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương.</li> </ul> |
| Kỳ công bố       | 3 đến 5 năm   | Năm  |
| Nguồn số liệu    | Các cuộc điều tra hộ gia đình cấp quốc gia bao gồm Khảo sát Nhân khẩu học và Sức khỏe (DHS), Điều tra đánh giá các mục tiêu về phụ  | - Chế độ báo cáo thống kê do   |

|  |  |  |
|--|--|--|
|  | nữ và trẻ em (MICS), Điều tra sức khỏe sinh sản (RHS) và điều tra quốc gia dựa trên các phương pháp tương tự | Bộ Y tế<br>ban hành.<br><br>- Điều tra<br>dân số<br><br>- Điều tra<br>cơ sở y tế |
|--|--|--|

## 7. References and Documentation

- Thông tư số 03/2019/TT-BKHĐT ngày 22/01/2019 quy định Bộ chỉ tiêu thống kê phát triển bền vững của Việt Nam;
- Quyết định số 43/2016/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chương trình điều tra thống kê quốc gia;
- <https://unstats.un.org/sdgs/metadata/>